TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 209/2025/DS-PT Ngày 04-06-2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chọn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thúy O, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Á, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Á là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thúy O trình bày:

Vào ngày 09/12/2017 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng, việc vay có làm biên nhận do nguyên đơn viết và bị đơn có ký tên, khoản nợ nay cho đến nay chưa trả vốn, có trả lãi được 02 tháng bằng 3.600.000 đồng. Vào ngày 30/12/2017 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 01 tháng 3.000.000 đồng (12%), việc vay có làm biên

nhận do nguyên đơn viết và bị đơn có ký tên, khoản nợ nay cho đến nay chưa trả vốn, có trả lãi được 01 tháng bằng 3.000.000 đồng. Vào ngày 21/01/2018 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 01 tháng 1.200.000 đồng (12%), việc vay có làm biên nhận do nguyên đơn viết và bị đơn có ký tên, khoản nợ nay cho đến nay chưa trả vốn, có trả lãi được 01 tháng bằng 1.200.000 đồng. Vào ngày 27/01/2018 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 4.500.000 đồng, lãi suất 01 tháng 540.000 đồng, việc vay không có làm biên nhận, khoản nợ nay cho đến nay chưa trả vốn, có trả lãi được 400.000 đồng. Vào ngày 19/5/2018 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 01 tháng 1.200.000 đồng (12%), việc vay có làm biên nhận do bị đơn tự viết và ký tên, khoản nợ nay cho đến nay chưa trả vốn, có trả lãi được 01 tháng bằng 1.200.000 đồng.

Đến ngày 30/7/2018 nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 01 tháng 1.200.000 đồng (10%), việc vay có làm biên nhận do nguyên đơn viết và bị đơn có ký tên *(nội dung biên nhận là tổng các khoản nợ lại với nhau là 94.500.000 đồng)*, khoản nợ nay cho đến nay chưa trả vốn, có trả lãi được 01 tháng bằng 3.000.000 đồng.

Tổng các nợ bị đơn còn nợ là 94.500.000 đồng, đến khoảng năm 2021 đến năm 2022 nguyên đơn và bị đơn thoả thuận bị đơn giao đất để trừ nợ, giá trị phần đất là 200.000.000 đồng (bị đơn yêu cầu tính tổng vốn lãi 150.000.000 đồng và yêu cầu nguyên đơn đưa thêm 50.000.000 đồng thì mới giao đất, nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu tổng vốn lãi là 200.000.000 đồng và giao ngang phần đất thì đồng ý), nhưng cuối cùng 02 bên không thoả thuận được cho đến nay, việc thoả thuận mới bàn bạc chứ không có làm giấy tờ gì.

Nguyên đơn xác định từ trước đến giờ không có nhận đất từ bị đơn, nhưng có giữ giấy tay về phần đất của bị đơn. Đối với Nguyễn Thanh T là năm 2022 nguyên đơn có viết giấy uỷ quyền cho ông T đi đòi nợ với bị đơn, nhưng từ trước đến giờ ông T không có thu được khoản nợ nào từ bị đơn. Nguyên đơn không biết địa chỉ ông T ở đâu và hiện nay cũng không biết ông T ở đâu.

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc bị đơn trả số tiền gốc 94.500.000 đồng và lãi suất 20%/năm kể từ ngày 30/7/2018 cho đến ngày 30/12/2024 (77 tháng) là 118.275.000 đồng (đã trừ đi tiền lãi đã đóng 3.000.000 đồng).

Bị đơn bà Phạm Thị Á trình bày:

Bị đơn không nhớ rõ, bị đơn có hỏi vay tiền của bà O tổng cộng 04 lần, cụ thể: Lần 01 vay 4.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng 01 ngày 10.000 đồng, khoản nợ này có làm biên nhận do nguyên đơn viết và bị đơn có ký tên, quá trình vay khoản nợ này có lãi được 400.000 đồng và đã vốn gốc xong; Lần 02 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 12%/tháng, khoản nợ này có làm biên nhận do nguyên đơn viết và bị đơn có ký tên, quá trình vay khoản nợ này có lãi được 1.200.000 đồng, số tiền gốc chưa trả; Lần 03 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 12%/tháng, khoản nợ này có làm biên nhận do nguyên đơn viết và bị đơn có ký tên, quá trình vay khoản nợ này có lãi được 1.800.000 đồng, số tiền gốc chưa trả; Lần 04 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 12%/tháng, lần vay này tổng hết các khoản nợ là 45.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả

lãi trước 6.000.000 đồng và nhập vốn lãi tổng cộng là 50.000.000 đồng, khoản nợ này có làm biên nhận do nguyên đơn viết và bị đơn có ký tên, khoản nợ vay này từ khi chốt nợ cho đến nay thì có trả thêm 2.000.000 đồng tiền lãi, đối với tổng nợ gốc 50.000.000 đồng chưa trả.

Khoảng năm 2022 giữa nguyên đơn và bị đơn thoả thuận bị đơn giao nền nhà ngang 05 mét X dài 50 mét toạ lạc tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau cho nguyên đơn để trừ nợ, bị đơn yêu cầu tính giá phần đất 200.000.000 đồng, thời điểm này nguyên đơn kêu cháu đến gặp bị đơn để thương lượng (cháu nguyên đơn tên gì và hiện nay ở đâu không rõ), khi bị đơn gặp cháu nguyên đơn thì giữa bị đơn và cháu nguyên đơn thương lượng nội dung "*Thống nhất giá đất 200.000.000 đồng, trừ đi nợ gốc và lãi bị đơn nợ nguyên đơn là 150.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng (trường hợp cháu nguyên đơn đến cất nhà ở thì tạm thời bị đơn không yêu cầu số tiền 50.000.000 đồng (khi nào có đưa cho bị đơn cũng được), còn nếu sang nhượng cho người khác thì phải trả cho bị đơn 50.000.000 đồng, sau khi thoả thuận bị đơn đã giao giấy tờ đất cho cháu nguyên đơn giữ",* phần đất kể từ khi thoả thuận cho đến nay bị đơn vẫn đang trực tiếp quản lý và sử dụng cho đến nay. Việc nguyên đơn tiếp tục khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là không đúng.

Nay nếu nguyên đơn và cháu nguyên đơn không muốn tiếp tục thoả thuận lấy đất trừ tiền nợ thì bị đơn đồng ý trả khoản nợ gốc và lãi cho nguyên đơn cho đến nay là 150.000.000 đồng là tất toán xong các khoản nợ giữa nguyên đơn với bị đơn. Còn việc thi hành án cho nguyên đơn thì bị đơn chỉ còn phần đất thoả thuận trước đây để thi hành, chứ không có tài sản nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thúy O.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Á có trách nhiệm và nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thúy O tổng số tiền 212.775.000 đồng (Trong đó, nợ gốc 94.500.000 đồng, nợ lãi 118.275.000 đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất do chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/02/2025 bị đơn là bà Phạm Thị Á có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thúy O, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Ánh .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Phạm Thị Á là người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà Trần Thúy O không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Á, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình

giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Á, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn là bà Phạm Thị Á, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Á kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O về việc buộc bà Á có trách nhiệm và nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thúy O tổng số tiền 212.775.000 đồng (Trong đó, nợ gốc 94.500.000 đồng, nợ lãi 118.275.000 đồng).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được đối chiếu với trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nội dung kháng cáo của bị đơn bà Á là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

[1.1] Đối với yêu cầu của bà O về việc buộc bà Á trả khoản nợ gốc 94.500.000 đồng, thấy rằng:

Bà Á chỉ thừa nhận số nợ gốc còn thiếu là 50.000.000 đồng và không thừa nhận việc bà có ký tên vào giấy biên nhận nợ ngày 30/7/2018. Tuy nhiên tại *"Kết luận giám định số: 641/KL-KTHS ngày 25/11/2024* – Bút lục số 44*"* chứng minh được chữ viết họ tên "Phạm Thị Á" – dưới cụm từ (Người nhận tiền) theo biên nhận nguyên đơn cung cấp là chữ viết của bị đơn. Qua xem xét nội dung *"Biên nhận ngày 30/7/2018 dl"* thì hoàn toàn có cơ sở xác định đến ngày 30/7/2018 các bên có chốt nợ với nội dung bị đơn nợ nguyên đơn tổng số tiền 94.500.000 đồng. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2024 bà Á đồng ý trả cho bà O khoản nợ gốc và lãi cho đến nay là 150.000.000 đồng. Do vậy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà O về việc buộc bà Á trả số tiền nợ gốc 94.500.000 đồng là có căn cứ.

[1.2] Đối với yêu cầu của bà O về việc buộc bà Á trả lãi từ ngày 30/7/2018 cho đến ngày 30/12/2024 với số tiền lãi là 118.275.000 đồng, thấy rằng:

Bà O thừa nhận bà Á có đóng lãi được 3.000.000 đồng còn bà Á thì không chứng minh được bà đã thanh toán số tiền lãi cho bà O cụ thể là bao nhiêu, nên chỉ có cơ sở xác định bị đơn bà Á đã trả được tiền lãi là 3.000.000 đồng. Như vậy mức lãi suất 20%/năm theo quy định được tính kể từ ngày 30/7/2018 cho đến ngày 30/12/2024 (77 tháng) thì số tiền lãi là 118.275.000 đồng (đã trừ đi tiền lãi đã đóng 3.000.000 đồng). Do đó bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Á có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà O tổng số tiền 212.775.000 đồng (Trong đó, nợ gốc 94.500.000 đồng, nợ lãi 118.275.000 đồng) là phù hợp, đúng theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Từ những nhận định trên, bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Á. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Các đương sự được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ánh .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thúy O.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Á có trách nhiệm và nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thúy O tổng số tiền 212.775.000 đồng (Trong đó, nợ gốc 94.500.000 đồng, nợ lãi 118.275.000 đồng).

2. Chi phí tố tụng: Buộc bị đơn bà Phạm Thị Á hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thúy O tiền chi phí giám định là 5.870.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với các khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Các đương sự được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng